TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 678/2023/HS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Đặng Đình Lực.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 302/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo Chử Thị N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Chử Thị N, sinh năm 1996; giới tính: Nữ; nơi ĐKHKTT: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chử Văn Q và bà Dương Thị H; có chồng là Nguyễn Văn S (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/3/2022 đến ngày 10/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị hại; 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh B, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2020, Chử Thị N thành lập Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ A và làm giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty. Quá trình kinh doanh N ký hợp đồng lao động với một số người mang quốc tịch Trung Quốc; vì vậy N biết rõ người nước ngoài muốn lao động và ở lại Việt Nam phải được doanh nghiệp Việt Nam bảo lãnh vào làm việc tại doanh nghiệp bảo lãnh. Năm 2021, Chử Thị N lấy danh nghĩa Giám đốc Công ty của N bảo lãnh 09 người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam, gồm: Wang Zheng G (Vương Chính Q), sinh ngày 30/11/1958, số hộ chiếu: E16897723, Wang Li F (Vương Lệ P), sinh ngày 15/8/1963, số hộ chiếu: E26855266, Zhao Dong Y (Triệu Đông V), sinh ngày 20/12/1985, số hộ chiếu: E61322182, Tu Chun L (Đồ Xuân L), sinh ngày 10/01/1988, số hộ chiếu: E44255714, Lin Guo M (Lâm Quốc M) sinh ngày 23/12/1973, số hộ chiếu: EC2305643, Liu Jian L (Lưu Kiện L), sinh ngày 17/5/1988, số hộ chiếu: EE5985629, Chen Rui B (Trần Thụy T), sinh ngày 26/8/1971, số hộ chiếu: E06053854, Peng Qi L (Bành Kỳ L), sinh ngày 18/3/1989, số hộ chiếu: E22040931 và Liu JunY (Lưu Quân N), sinh ngày 20/11/1982, số hộ chiếu: E15887210. Trong đó Wang Zheng G (Vương Chính Q), Wang Li F (Vương Lệ P) là vợ chồng. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam Wang Zheng G (Vương Chính Q) không làm việc cho Công ty của N. Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V), sau khi nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho Công ty của N khoảng 2 tháng rưỡi đến 3 tháng thì nghỉ việc. Khi hết thời hạn được ở lại Việt Nam, phải về Trung Quốc thì Tu Chun L (Đồ Xuân L), Zhao Dong Y (Triệu Đông V) và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) thuê N xin gia hạn thị thực để ở lại Việt Nam trái phép. N đồng ý làm để thu lời bất chính. Ngoài ra N còn đưa ra thông tin gian dối lừa đảo chiếm đoạt tiền của Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V), cụ thể như sau:

1. Hành vi Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép:

1.1. Đối với vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q), Wang Li F (Vương Lệ P): Trước khi nhập cảnh vào Việt Nam, Chử Thị N thỏa thuận với vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) cùng kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688", ở phường Phù Khê, thành phố T, tỉnh B. Sau đó N thuê công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ N (Công ty N), địa chỉ: xóm Chùa, thôn N, xã C, thị xã S, thành phố H do chị Lương Thị Hồng H sinh năm 1988, HKTT: thôn N,

xã C, thị xã S, thành phố H là giám đốc làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam cho vợ chồng Wang Zheng G. Ngày 27/02/2021, vợ chồng Wang Zheng G nhập cảnh vào Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế Nội Bài và được cấp thị thực DN1 (thị thực cấp cho người nước ngoài nhập cảnh vào làm việc và được doanh nghiệp tại Việt Nam bảo lãnh), theo thị thực vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) được ở lại Việt Nam đến hết ngày 20/5/. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam thì N và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) không đạt được thỏa thuận trong việc kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688" vì vậy vợ chồng Wang Zheng G trực tiếp kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688" mà không hợp tác với Công ty của N. Khi hết hạn thị thực phải về nước nhưng vì muốn tiếp tục kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688" vợ chồng Wang Zheng G 2 lần thuê N làm thủ tục xin gia hạn thị thực. N đồng ý và khai không nhớ đã thuê ai, công ty nào 02 lần làm thủ tục xin gia hạn thị thực cho vợ chồng Wang Zheng G. Lần thứ nhất thị thực của vợ chồng Wang Zheng G cùng được gia hạn từ ngày 20/5/2021 đến ngày 20/8/2021. Lần thứ 2, thị thực của vợ chồng Wang Zheng G cùng được gia hạn từ ngày 20/8/2021 đến ngày 20/11/2021. Theo N khai toàn bộ các thông tin, tài liệu xin gia hạn thị thực N cung cấp qua ứng dụng Zalo theo yêu cầu cho bên làm dịch vụ. Mặc dù Wang Zheng G, Wang Li F đều không làm cho Công ty của N nhưng N vẫn khai báo Wang Zheng G, Wang Li F là chuyên gia làm việc cho Công ty của N và đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an gia hạn thị thực cho Wang Zheng G, Wang Li F sau đó N in tờ khai, ký tên, đóng dấu chức danh giám đốc Công ty A rồi gửi bằng dịch vụ chuyển phát cho bên nhận làm dịch vụ. Khi thị thực được gia hạn thì bên nhận dịch vụ gửi cho N bằng dịch vụ chuyển phát hoặc hẹn N ra Hà Nội lấy nhưng N không nhớ cụ thể địa chỉ ở đâu. Xác minh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an thấy: các tờ khai đề nghị gia hạn thị thực cho Wang Zheng G (Vương Chính Q) và Wang Li F (Vương Lệ P), phù hợp với lời khai của N về việc N khai vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) là chuyên gia làm việc cho Công ty của N. N ký tên, đóng dấu giám đốc Công ty đề nghị Cục xuất nhập cảnh -Bộ Công an gia hạn thị thực để Wang Zheng G (Vương Chính Q) và Wang Li F (Vương Lệ P) tiếp tục làm việc cho Công ty của N. Lời khai của vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) và anh Dương Văn T sinh năm 1987, HKTT: khu Tiến Bào, phường Phù Khê, thành phố T, quản lý nhà nghỉ Hòa Tạo 2 - nơi vợ chồng

Wang Zheng G (Vương Chính Q) ở, anh Nguyễn Văn D sinh năm 1992, HKTT: khu N, phường P, thành phố B, người đứng tên thửa đất xây kho "A Quang 4688" và ông Nguyễn Văn T sinh năm 1968 HKTT: khu N, phường P, thành phố B là bố vợ các anh T, D và là người trực tiếp ký hợp đồng cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) thuê kho "A Quang 4688" khẳng định: Từ khoảng tháng 2 năm 2021, sau khi vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) nhập cảnh vào Việt Nam thì vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) thuê và ở tại kho "A Quang 4688" để kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ, N và Công ty của N không tham gia kinh doanh, khai thác kho.

Đối với hợp đồng số 12 đề ngày 25/12/2020, hợp đồng số 09 đề ngày 15/9/2021 anh D xuất trình có nội dung anh D cho Công ty của N thuê kho "AQuang 4688" thì ông T, anh T và anh D trình bày: Năm 2020 ông T ký hợp đồng cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) thuê kho A Quang 4688, thời hạn thuê từ ngày 07/3/2020 đến ngày 07/3/2021 sau do dịch Covid 19 bùng phát, vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) về nước. Khoảng cuối năm 2020 N gặp anh T xin địa chỉ liên lạc với vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) thỏa thuận cùng nhau kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688". Sau đó N cho anh T biết: N và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) đã thỏa thuận cùng kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688", vì vậy N đưa cho anh T 2 bản hợp đồng nêu trên nhờ anh T đưa cho anh D ký. Anh D đã ký vào 2 bản hợp đồng này nhưng thực tế sau đó chỉ có vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) kinh doanh, khai thác kho "A Quang 4688". N thừa nhận lời khai của vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) và các anh T, D, ông T là đúng.

Về số tiền Chử Thị N thu lợi bất chính từ việc xin gia hạn thị thực cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q): Lần thứ nhất N thu của vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) mỗi người 8 triệu đồng, lần thứ hai N thu mỗi người 12 triệu đồng. Tổng số N thu của vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) 40.000.000 đồng. N khai trả phí dịch vụ xin gia hạn thị thực cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) mỗi người khoảng từ 4 triệu đến 5 triệu đồng. Ngoài hưởng lợi từ tiền chênh lệch làm thủ thủ tục xin gia hạn thị thực cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q), N còn yêu cầu vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) nộp "phí bảo lãnh" cho N. Cụ thể tháng 05/2021 N thu 600.000đ/1 người, tháng 06/2021 thu 800.000đ/1 người, từ tháng 7/2021 đến

tháng 09/2021 thu 3.000.000đ/1 người. Tổng số N thu phí "bảo lãnh" của vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) là 20.800.000 đồng. Như vậy tổng số tiền N đã thu để tổ chức cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) ở lại Việt Nam trái phép là 60.800.000 đồng. Trung bình N trả phí dịch vụ làm thủ tục xin gia hạn thị thực cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) 4.500.000 đồng 1 người/1 lần. Số tiền còn lại N hưởng lợi bất chính là 60.800.000- (4.500.000 x4) = **42.800.000 đồng.**

1.2. Đối với Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V):

Khoảng tháng 9/2020 Zhao Dong Y (Triệu Đông V) đến làm việc tại Công ty của N. Tháng 12/2020, Zhao Dong Y (Triệu Đông V) về nước. Khoảng đầu năm 2021 Zhao Dong Y (Triệu Đông V) thỏa thuận tiếp tục nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho Công ty của N, N đồng ý và nhờ Zhao Dong Y (Triệu Đông V) tìm thêm người Trung Quốc sang làm cho Công ty, Zhao Dong Y (Triệu Đông V) đồng ý giới thiệu Tu Chun L (Đồ Xuân L) cho N. Sau đó N tiếp tục thuê Công ty N làm thủ tục nhập cảnh cho Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V) vào Việt Nam. Ngày 27/02/2021 và ngày 27/03/2021 lần lượt Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V) nhập cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế Nội Bài và đều được cấp thị thực DN1. Theo thị thực Tu Chun L (Đồ Xuân L) được ở lại Việt Nam đến hết ngày 20/5/2021, Zhao Dong Y (Triệu Đông V) được ở lại Việt Nam đến hết ngày 27/6/2021. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V) đến làm việc cho Công ty của N khoảng 2 tháng rưỡi đến 3 tháng thì nghỉ việc ra ngoài buôn bán, kinh doanh gỗ tự do. Khi hết thời hạn được ở lại Việt Nam thì Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V) đều thuê N làm thủ tục xin gia hạn thị thực để được ở lại Việt Nam. N đồng ý và dùng phương thức, thủ đoạn như làm thủ tục xin gia hạn thị thực cho vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) để xin gia hạn thị thực cho Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V). Vì vậy Tu Chun L (Đồ Xuân L) được gia hạn thị thực lần thứ nhất từ ngày 21/5/2021 đến ngày 20/8/2021, lần thứ 2 từ ngày 17/8/2021 đến ngày 20/11/2021; Zhao Dong Y (Triệu Đông V) được gia hạn thị thực lần thứ nhất từ ngày 21/6/2021 đến ngày 20/9/2021, lần thứ 2 từ ngày 21/9/2021 đến ngày 21/12/2021. Xác minh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cho thấy các tờ khai đề nghị gia hạn thị thực cho Tu

Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V), N khai báo đây là chuyên gia làm việc cho Công ty của N. N ký tên, đóng dấu giám đốc Công ty đề nghị Cục xuất nhập cảnh -Bộ Công an gia hạn thị thực để Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V) tiếp tục làm việc cho Công ty của N. Tu Chun L (Đồ Xuân L), Zhao Dong Y (Triệu Đông V) và N đều thừa nhận: cả 2 lần làm thủ tục xin gia hạn thị thực thì Tu Chun L (Đồ Xuân L) và Zhao Dong Y (Triệu Đông V) không còn làm việc cho Công ty của N nữa mà đã ra ngoài kinh doanh, buôn bán độc lập.

Về số tiền N thu lợi bất chính từ việc xin gia hạn thị thực cho Tu Chun L (Đồ Xuân L): lần thứ nhất N thu 10 triệu đồng, lần thứ 2 N thu 12 triệu đồng của Tu Chun L (Đồ Xuân L). Tổng số tiền N thu của Tu Chun L là 22 triệu đồng, N khai phí dịch vụ xin gia hạn thị thực cho Tu Chun L mỗi lần từ 4 triệu đến 5 triệu đồng, trung bình N trả phí dịch vụ làm thủ tục xin gia hạn thị thực cho Tu Chun L 4.500.000 đồng 1 lần. Số tiền còn lại N hưởng lợi bất chính là 22.000.000- (4.500.000 x2)=**13.000.000 đồng.** Đối với Zhao Dong Y (Triệu Đông V), N khai do phía dịch vụ nói Zhao Dong Y (Triệu Đông V) nằm trong danh sách "đen" nên phí mỗi lần xin gia hạn thị thực cao hơn vì vậy cả 2 lần xin gia hạn thị thực cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V) N thu khoảng từ 18 triệu đồng đến 20 triệu đồng nhưng N giao hết cho bên làm dịch vụ. N không hưởng lợi về vật chất nhưng vì tình cảm nể nang, hợp tác làm ăn lâu dài N vẫn hợp thức hóa hồ sơ xin gia hạn thị thực cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V) ở lại Việt Nam trái phép và sau đó thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Zhao Dong Y (Triệu Đông V).

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Zhao Dong Y (Triệu Đông V) và Tu Chun L (Đồ Xuân L)

Sau khi gia hạn thị thực cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), từ tháng 5/2021 đến tháng 09/2021, N yêu cầu hai người này mỗi tháng phải nộp cho N 3.000.000 đồng/ 1 người. N nói đây là tiền thuế thu nhập cao phải nộp cho cơ quan thuế. Quá trình thu 3 triệu đồng/1tháng của Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) lần thì N thu trực tiếp, lần thì N nhờ Liu Jian L (Lưu Kiện L) nhắn tin cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) yêu cầu nộp tiền và Liu Jian L (Lưu Kiện L) là người thu tiền về giao cho N. Tin nhắn Liu Jian L (Lưu Kiện L) gửi cho Zhao Dong Y

(Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) do N chỉ đạo và duyệt trước khi gửi có nội dung: Liu Jian L (Lưu Kiện L) cũng phải nộp thuế thu nhập cao nhưng vì Liu Jian L (Lưu Kiện L) đang làm việc cho công ty nên công ty nộp hộ, Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) không làm việc cho công ty nên Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) phải nộp tiền thuế này cho N. Sau khi thu được tiền của Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) thì N không không khai báo và nộp thuế thu nhập cao cho cơ quan thuế. Khoản thu 3 triệu đồng/1 tháng của Zhao Dong Y (Triệu Đông V) và Tu Chun L (Đồ Xuân L) được tổng số 30 triệu đồng N chi tiêu cá nhân. Đến tháng 12/2021 sau khi làm việc với Cơ quan điều tra N trả 15 triệu đồng cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V), 15 triệu đồng thu của Tu Chun L (Đồ Xuân L) N chưa trả.

Ngoài ra quá trình tổ chức cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) ở lại Việt Nam trái phép N còn yêu cầu mỗi người nộp cho N 20 triệu đồng (tổng số 80 triệu đồng) N nói đây là tiền mở tài khoản ngân hàng nhằm đối phó với cơ quan chức năng, che giấu Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) ở lại Việt Nam trái phép bằng cách hàng tháng N tự gửi tiền vào tài khoản sau đó tự rút ra coi như N trả lương cho những người này nhưng sau đó N không mở tài khoản ngân hàng. Khoảng tháng tháng 9/2021 và tháng 11/2021 N đã trả lại 80 triệu đồng này cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q). Theo lời khai của Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L) và vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) phù hợp với lời khai của N: để đối phó với cơ quan chức năng trong quá trình N tổ chức cho của Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) ở lại Việt nam trái phép N đã thực hiện nhiều hành vi che giấu, đối phó với cơ quan chức năng như: N khai báo 04 người Trung Quốc này là chuyên gia làm việc cho Công ty của N, N có lập bảng lương nhưng thực tế không trả lương cho Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) đồng thời N hướng dẫn Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q), trả lời: đang làm cho Công ty của N, được trả lương từ 20 triệu đến 30 triệu

đồng...khi có người hỏi họ. Sau đó do N không mở tài khoản ngân hàng nên N đã trả lại Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), vợ chồng Wang Zheng G (Vương Chính Q) mỗi người 20 triệu đồng trước khi vụ án bị phát hiện, khởi tố.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2022/HS-ST ngày 29/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Chử Thị N phạm tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); khoản 1 Điều 54 (đối với tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép); Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Chử Thị N 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép", 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/3/2022 đến ngày 10/10/2022. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc áp dụng biện pháp tư pháp; trách nhiệm dân sự; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2023, bị cáo Chử Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Chử Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng, không oan. Bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là quá nặng, vì quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chử Thị N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử; phù hợp với lời

khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 348; điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ hành vi, áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt 05 năm tù cho cả hai tội là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo Chử Thị N trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chử Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị hại, hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 5/2021 đến tháng 9/2021, Chử Thị N đã nhiều lần có hành vi lợi dụng danh nghĩa Giám đốc Công ty A tổ chức cho 04 người có quốc tịch Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép thu lợi bất chính **55.800.000 đồng**. Cụ thể N đã lập hồ sơ mạo nhận Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), Wang Zheng G (Vương Chính Q) và Wang Li F (Vương Lệ P) là những người không làm việc cho Công ty của N là các chuyên gia đang làm việc cho Công ty của N để xin gia hạn thị thực ở lại Việt Nam. Zhao Dong Y (Triệu Đông V), Tu Chun L (Đồ Xuân L), Wang Zheng G (Vương Chính Q) và Wang Li F (Vương Lệ P) đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an gia hạn thị thực cho mỗi người **02 lần**, tổng số 8 thị thực/4 người với thời gian mỗi người ở lại Việt Nam là 6 tháng. Sau đó N đã đưa ra thông tin gian

dối lợi dụng danh nghĩa thu thuế thu nhập cá nhân nhiều lần chiếm đoạt tổng số **15.000.000 đồng** của Zhao Dong Y (Triệu Đông V) và **15.000.000 đồng** của Tu Chun L (Đồ Xuân L). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 348; điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây khó khăn trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú tại Việt Nam; vì vậy, cần phải xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, đang nuôi con nhỏ; tuy nhiên, bị cáo chịu tình tiết phạm tội nhiều lần đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên, xem xét thái độ, nhân thân, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đã quyết định xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép", 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết mới để xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chử Thị N; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B đối với bị cáo, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); khoản 1 Điều 54 (đối với tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép); Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Chử Thị N 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép", 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/3/2022 đến ngày 10/10/2022. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

[2]. Về án phí: Bị cáo Chử Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HC-TP TANDCC tại Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tài

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm **Đặng Đình Lực** **Mai Anh Tài**